TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NA RÌ - TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07 /2017/ HNGĐ - ST
Ngày 22 tháng 8 năm 2017
V/v Tranh chấp " Ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Cạn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Hoàng Thị Tháo
2. Bà Lương Thị Kim Khanh

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hoàn là thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, Tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Nông Thiêm Mẫn - Kiểm sát viên

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/ 2017/ TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2017, về " HNGĐ " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: chị Nông Thị T, sinh năm 1975 (có mặt)
Địa chỉ: thôn NK, xã CL, huyện NR, tỉnh Bắc Kạn.
Chỗ ở hiện nay, thôn TN 1, xã MP, huyện BB, tỉnh Bắc Kạn

2.Bị đơn: anh Lý Văn Q, sinh năm 1969 (vắng mặt)
Địa chỉ: thôn NK, xã CL, huyện NR, tỉnh Bắc Kạn

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam (vắng mặt)

Địa chỉ; Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: ông Giá Mã Tâm - Phó Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện NRtheo quyết định ủy quyền số: 4716/QĐ - NHCS ngày 25/ 11/ 2016 của Tổng Giám đốc NHCSXHVN về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án và quyết định số: 49/ GUQ - NHCS ngày 28/ 02/ 2017 của Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện NR, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 15/ 02/ 2017 của Nông Thị T nguyên đơn trình bày yêu cầu Tòa án nhân dân huyện NR giải quyết những vấn đề cụ thể là:

Về quan hệ hôn nhân: chị T có được tìm hiểu tình cảm lẫn nhau với anh Q rồi đi đến tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào năm 1997 là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CL theo quy định của pháp luật hôn nhân gia đình và hộ tịch. Quá trình chung sống với nhau, thời gian đầu chị T, anh Q chung sống hạnh phúc và yên ổn, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn anh Q hay rượu chè đánh đập thậm chí có lần cầm dao đuổi chị và còn nhiều bạo lực khác nữa, rồi anh Q bỏ bê công việc đùn đẩy cho chị, giờ chị không chịu đựng cảnh này được nữa, đã lâu chị không còn tình cảm với anh Q nay xin được ly hôn

Về con chung: chị T trình bày quá trình chung sống sinh được hai người con chung gồm Lý Thị D1 sinh ngày 17/ 3/ 1999, Lý Thị D2 sinh ngày 15/ 4/ 2001 khi ly hôn các con ở với ai thì tùy các con, nếu con ở với chị thì chị không yêu cầu anh Q đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị T không yêu cầu phân chia tài sản chung

Về nợ chung: chị T trình bày không có nợ chung

Về nợ riêng: chị T trình bày anh Q có vay nợ Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện NR .

Bị đơn, anh Lý Văn Q có bản tự khai ngày 15/ 02/ 2017 trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: anh Q lấy chị T vào năm 1997 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CLvào năm 2002 quá trình chung sống với chị T hạnh phúc với nhau không xảy ra mâu thuẫn, nay chị T xin ly hôn anh không nhất trí.

Về con chung: anh Q trình bày vợ chồng có sinh được hai người con chung như chị T trình bày là đúng. Nếu phải ly hôn tùy các con ở với ai tùy các con, nếu con theo anh thì anh không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: anh Q trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: anh Q trình bày vợ chồng có vay của Ngân hàng chính sách xã hội huyện NR số tiền 40.000.000,đ (Bốn mươi triệu đồng) khi ly hôn anh tự chịu trách nhiệm hoàn toàn để trả cả gốc và lãi cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng chính sách xã hội huyện NR. Người đại diện theo ủy quyền, có bản tự khai ngày 28/ 02/ 2017 trình bày rõ gia đình bà T, ông Q thường trú tại thôn NK, xã CL, huyện NR, tỉnh Bắc Kạn, được tổ Tiết kiệm và vay vốn thôn NK, Ủy ban nhân dân xã CL, Ngân hàng chính sách xã hội huyện NR xét cho vay Chương trình cho vay Hộ nghèo. Người đứng tên đại diện hộ vay vốn là ông Lý Văn Q, người thừa kế là bà Nông Thị T.

Chương trình cho vay Hộ nghèo:

Số tiền vay: 50.000.000,đ (Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng chẵn)

Ngày vay: 18/ 12/ 2016

Ngày đến hạn: 18/ 11/ 2021

Lãi xuất cho vay: 0,55%/ tháng.

Tính đến ngày 27/ 02/ 2017 gia đình bà T, ông Q còn nợ Ngân hàng CSXH huyện tổng số tiền gốc là: 50.000.000,đ (Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng chẵn). Đề nghị chị T, anh Q cùng có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng tuy nhiên, ông Qđã ký nhận tiền vay với Ngân hàng thì ông Q có trách nhiệm trực tiếp trả nợ cho Ngân hàng.

Ngày 28/ 7/ 2017 Ngân hàng có bản tự khai bổ sung giữa ông Lý Văn Q và bà Nông Thị T địa chỉ thôn NK, xã CL như sau:

Trên hồ sơ vay vốn tại NHCSXH huyện không có chữ ký của bà Nông Thị T.

Mục đích sử dụng vốn vay:

Trồng rừng mỡ, số tiền: 30.000.000,đ (Ba mươi triệu đồng).

Khai phá ruộng, số tiền: 20.000.000,đ (Hai mươi triệu đồng).

Ông Lý Văn Q là người đại diện hộ gia đình vay vốn, đề nghị ông Lý Văn Q có trách nhiệm trả nợ cho NHCSXH huyện.

Các tài liệu, chứng cứ chị T nguyên đơn giao nộp gồm có bản sao sổ hộ khẩu, 02 bản sao giấy khai sinh của Lý Thị D1, Lý Thị D2, 02 bản sao giấy chứng minh nhân dân mang tên Lý Văn Q, Nông Thị T, 01 giấy đăng ký kết hôn,biên bản hòa giải của UBND xã Cl, đơn xin nguyện vọng của Lý Thị D2, bản tự khai của Nông Thị T, Lý Văn Q, biên bản lấy lời khai của chị Nông Thị T, bản tự khai và bản sao tài liệu vay vốn của Ngân hàng CSXH huyện NR, các tài liệu khác của Tòa án tiến hành thu thập theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng dân sự quy định.

Ý kiến con chung: đối với Lý Thị D2 có ý kiến nếu bố, mẹ quyết tâm ly hôn thì có nguyện vọng được ở với mẹ.

Ngày 10/ 3/ 2017 Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, cùng ngày Tòa án tiến hành hòa giải có đầy đủ các đương sự. Tại phiên hòa giải thấy:

Về quan hệ hôn nhân: chị T xin được ly hôn anh Q, anh Qkhông nhất trí.

Về con chung: chị T, anh Q có ý kiến, nếu ly hôn các con ở với ai thì tùy các con.

Về tài sản chung: chị T, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: anh Q trình bày vợ chồng có vay của NHCSXH huyện số tiền: 50.000.000,đ (Năm mươi triệu đồng) , nếu ly hôn chị T phải có trách nhiệm trả 1/2 nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng.

Ngày 21/ 4/ 2017 tiến hành mở phiên hòa giải lần hai nhưng do anh Lý Văn Q vắng mặt nên không tiến hòa giải được, ngày 05/ 7/ 2017 quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến giải quyết vụ án.

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử trong quá trình tố tụng và

thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng dân sự. trong quá trình giải quyết vụ án chị T nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Anh Q quá trình giải quyết vụ án không chấp hành đầy đủ theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, Căn cứ Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 30, 37, 56, 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu của chị Nông Thị T xin ly hôn anh Lý Văn Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu toàn bộ nội dung vụ án và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ , lời khai của các đương sự đã thu thập, biên bản về kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định rằng:

Về thủ tục tố tụng: Khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tiến hành giao giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ hai lần đồng thời niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử tại UBND xã CL .

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị T, anh Q có được tìm hiểu tình cảm lẫn nhau, qua tìm hiểu rồi đi đến tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào năm 1997 là tự nguyện không ai ép buộc, nhưng tại thời điểm tổ chức đám cưới vào năm 1997 đến 2001 không có đăng ký kết hôn, đến năm 2002 chị T, anh Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CL theo nghị định 77 của Chính phủ. Quá trình chung sống với nhau, thời gian đầu cuộc sống gia đình hạnh phúc, sau đó chị T, anh Q luôn xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau, đã có lần gọi Công an viên đến để khuyên giải. Từ năm 2015 chị Tvề bên ngoại ở xã MP, huyện BB sinh sống, chị T sống ly thân với anh Q từ đó đến nay, chị xác định không còn quan tâm tình cảm của nhau, chị T thực sự không thể kéo dài chung sống với anh Q được nữa đề nghị Tòa án xem xét cho ly hôn với anh Q.

[2] Về con chung: Chị T, anh Q trình bày các con ở với ai thì tùy các con. Xét thấy con chung Lý Thị D1 sinh ngày 17/ 3/ 1999 nay đã đủ 18 tuổi nên Tòa không xét; đối với con chung Lý Thị D2 sinh ngày 15/ 4/ 2001 nguyện vọng của con là được ở với mẹ nên giao con chung Lý Thị D2 cho chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị T không đề nghị anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tuy nhiên, qua xác minh thì thấy con chung Lý Thị D2 không có mặt tại địa phương đi làm ăn xa, địa phương không rõ địa chỉ của Lý Thị D2 ở đâu, Lý Thị D2 vẫn ở chung sổ hộ khẩu của hộ Lý Văn Q.Tại phiên tòa chị T khai chị vẫn liên lạc qua điện thoại được với Lý Thị D2.

[3] Về tài sản chung: chị T, anh Q trong quá trình giải quyết vụ án đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung .

[4] Về vay nợ: chị T khẳng định không có vay nợ chung, tuy nhiên, anh Q tự đứng tên vay của Ngân hàng CSXH huyện NR, số tiền: 50.000.000,đ (Năm mươi triệu đồng) vào năm 2016, chị T không được bàn bạc với anh Q việc vay tiền vì chị sống ly thân anh Q về bên ngoại ở xã MP, huyện BB từ năm 2015, chị xác định khoản vay này là do anh Q vay nợ riêng, chị không được ký là người thừa kế, chị cũng không được biết mục đích anh Q vay và sử dụng làm việc gì của gia đình, chị đề nghị anh Q tự vay riêng thì phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng khoản vay 50.000.000, đ nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Giá Mã T đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện NR đề nghị ông Lý Văn Q là người đại diện hộ gia đình vay vốn, đề nghị ông Lý Văn Q có trách nhiệm trả nợ cho NHCSXH huyện số tiền ông Quân vay 50.000.000, đ nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký.

[5] Kiểm sát viên tại phiên tòa . Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên về quan hệ hôn nhân, chị Nông Thị T được ly hôn anh Lý Văn Q; về nuôi con chung, chị Nông Thị T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng Lý Thị D2 đến khi đủ 18 tuổi. anh Q không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T. Về vay nợ anh Lý Văn Q phải có trách nhiệm trả nợ gốc 50.000.000,đ (Năm mươi triệu đồng) và lãi phát sinh cho Ngân hàng CSXH huyện NRtheo hợp đồng đã ký.

[6] Về án phí: chị Nông Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 30, 37, 56, 60, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị T:

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố Chị Nông Thị T được ly hôn anh Lý Văn Q.

Về con chung:

Chị Nông Thị Tđược quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Lý Thị D2 sinh ngày 15/ 4/ 2001 đến khi đủ 18 tuổi.

Nghĩa vụ cấp dưỡng, chị Tkhông yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung .

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về vay nợ: anh Lý Văn Q chịu trách nhiệm trả cho ngân hàng chính sách xã hội huyện NR tổng số tiền là: 50. 000.000, đồng (Bằng chữ: năm mươi triệu đồng chẵn) nợ gốc và lãi phát sinh, theo hợp đồng đã ký.

Về tài sản chung: chị Nông Thị T, anh Lý Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn Cứ điều 147/ BLTTDS; Căn cứ điều 26, điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị Nông Thị T phải chịu 300.000, đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai số: 01008 ngày 15/ 02/ 2017 tại Chi cục THADS huyện NR, để sung quỹ nhà nước.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự "

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKS huyện;
-TAND tỉnh;
-THADS huyện;
- UBND xã Cường Lợi;
- Lưu HSVA;
-Lưu TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy Cạn